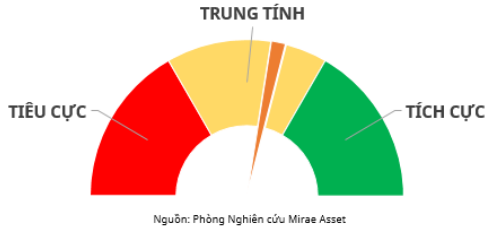


25 Tháng Chín 2020

Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Thang đo sức mạnh thị trường



Tổng quan thị trường

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
VN INDEX	908.27	0.81	3.91	-8.00
HNX INDEX	131.52	1.80	6.61	26.70
VN30 INDEX	854.71	1.60	4.85	-6.32
MSCI EM	1,057.74	-4.58	-5.11	5.19
NIKKEI	23,204.62	-1.15	-0.40	5.38
HANG SENG	23,235.42	-4.99	-8.83	-10.44
KOSPI	2,278.79	-5.54	-3.72	9.91
FTSE	5,839.10	-2.80	-3.28	-19.90
S&P 500	3,246.59	-3.29	-5.72	8.77
NASDAQ	10,672.27	-2.18	-6.93	32.13

Định giá thị trường

	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	14.93	1.99	13.30

Lãi suất tham chiếu

	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.50	0	0	-150
3 năm	0.73	6	-9	-214
10 năm	2.79	-1	-11	-121

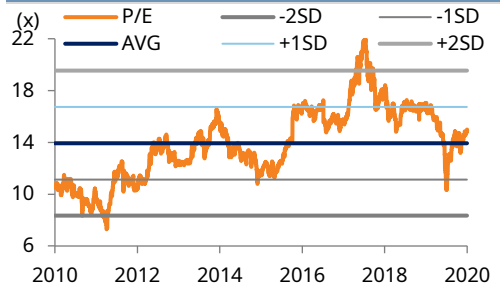
Tỷ giá ngoại hối

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
USD/VND	23,210	-0.18	-0.19	-0.03
USD/KRW	1,172.5	-1.03	1.07	2.25
USD/JPY	105.40	-0.79	0.94	2.25
USD/CNY	6.82	-0.73	1.37	4.58

Giá hàng hóa

	Thị giá	1W (%)	1M (%)	1Y (%)
Dầu WTI	40.53	-1.41	-6.51	-28.25
Thép	548	0.00	22.60	-3.52
Đường	12.95	1.41	1.49	9.75
Cà phê	1,356	-6.87	-10.32	3.59
Cao su	139.20	1.53	5.30	5.94
Nickel	14,262	-5.45	-4.45	-16.98
Đồng	6,524	-3.79	0.12	12.86
Thiếc	17,281	-5.00	-0.17	4.73

Định giá VN-INDEX: P/E 10 năm lịch sử



Nhận định thị trường

Tiếp tục tăng điểm sau khi vượt 900, VN-Index gặp khó tại ngưỡng 910

Sau khi vượt thành công ngưỡng 900, VN-Index tiếp tục có diễn biến tăng điểm trong tuần với 2 phiên tăng và 3 phiên giảm để chốt tuần tại 908,27 tăng 7,32 điểm (+0,8%). Trong tuần áp lực bán có dấu hiệu gia tăng khi VN-Index vượt ngưỡng 910, áp lực này đã xuất hiện trong 2 phiên cuối tuần với 2 phiên giảm điểm nhẹ kéo VN-Index từ mức cao nhất là 913,52 về mức 908,27 vào cuối tuần.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng có tác động lớn nhất đến mức tăng điểm của VN-Index trong tuần với mức đóng góp 5,81 điểm, trong đó VCB và STB là 2 mã đóng góp lớn nhất. Một số cổ phiếu khác có ảnh hưởng lớn đến chiều tăng điểm của VN-Index như BHN, MWG, VNM. Chiều giảm điểm VIC và GVR là 2 mã ảnh hưởng lớn nhất đến VN-Index với số điểm tác động -1,14 và -0,79.

Trong tuần khối ngoại tiếp tục duy trì đà mua ròng với 3 phiên mua ròng và 2 phiên bán ròng, giá trị mua ròng chỉ còn 55,98 tỷ đồng. VCB, PLX và VRE là 3 cổ phiếu được mua ròng mạnh 146 tỷ đồng, 124 tỷ đồng và 107 tỷ đồng. Bên chiều bán ròng HPG dẫn đầu với giá trị 147 tỷ đồng, VHM xếp thứ 2 với giá trị 145 tỷ đồng.

VN-Index đang chịu áp lực bán mạnh tại vùng trên 910, trong ngắn hạn áp lực bán sẽ tiếp tục cản đà tăng của chỉ số trong những phiên đầu tuần sau. Điểm số kỹ thuật ngắn hạn đã giảm về mức +0 (Trung tính) thể hiện khả năng đi ngang của VN-Index.

Phạm Bình Phương, Analyst, 84-8-39102222, Phuong.pb@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-6	TIÊU CỰC
Kospi	-5	TIÊU CỰC
Nikkei 225	-2	TRUNG TÍNH
FTSE 100 (EU)	-4	TIÊU CỰC
Dow Jones	-6	TIÊU CỰC

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Bản tin tuần

Thị trường trái phiếu:

- **Thị trường trái phiếu:** Trong tuần KBNN đã huy động thành công toàn bộ 1.500 tỷ đồng phát hành lần đầu và 5.250 tỷ đồng phát hành bổ sung. Tỷ lệ Chào mua/ Gọi thầu giảm trên tất cả các kỳ hạn, giảm về mức 2,5 lần so với mức 3,9 lần của đợt đầu thầu gần nhất. Lợi suất trúng thầu ở các kỳ hạn đều ghi nhận mức giảm so với tuần trước, cụ thể kỳ hạn 10 năm trúng thầu tại mức lợi suất 2,79% (-3bps), kỳ hạn 15 năm trúng thầu tại mức 2,82% (-20bps), kỳ hạn 20 năm trúng thầu tại mức lợi suất 3,27% (-4bps) và kỳ hạn 30 năm trúng thầu tại mức lợi suất 3,48% (-2bps).
- Tính đến thời điểm hiện tại, 100% lượng TPCP đã được chào bán thành công trong tháng 9 với tổng giá trị 45.000 tỷ đồng. Ngày 30/09 KBNN sẽ gọi thầu 11.000 tỷ đồng ở các kỳ hạn: Kỳ hạn 5 năm 1.000 tỷ đồng, kỳ hạn 10 năm 4.000 tỷ đồng, kỳ hạn 15 năm 3.000 tỷ đồng, kỳ hạn 20 năm 1.500 tỷ đồng và kỳ hạn 30 năm 1.500 tỷ đồng.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính.

Thị trường tiền tệ:

- **Lãi suất liên ngân hàng:** Tại ngày 23/09, lãi suất O/N chạm mức thấp kỷ lục tạo 0,1% (-3bps), tương tự các kỳ hạn 1 tuần và 1 tháng đã về các mức 0,2% và 0,36%, giảm lần lượt 2bps và 6bps. Chiều ngược lại, các kỳ hạn 2 tuần, 3 tháng và 6 tháng đã giảm lần lượt về các mức 0,32%, 1,55% và 3,49% tương ứng các mức tăng 12bps, 40bps và 38bps.
- **Tỷ giá VND/USD tham chiếu** của NHNN đã tăng 0,116% so với tuần trước lên mức 23.223 VND/USD. Tỷ giá NHTM và tự do cùng tăng ở cả chiều mua lẫn bán lần lượt 0,043% và 0,216% lên các mức 23.070 – 23.280 và 23.220 – 23.230.

Nguồn: Bộ phận phân tích Mirae Asset, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Vietcombank

Bản tin thị trường

Phân tích kỹ thuật

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	0	TRUNG TÍNH
VN30	2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	5	KHẢ QUAN
VN DIAMOND	1	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	3	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIẾU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (04/09/2020)	908,27	Kháng cự 1 920 – 940
Xu hướng ngắn hạn (1 – 4 tuần)	Tăng	Kháng cự 2 960
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 900
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 875 – 880

VN-Index đang gặp kháng cự tại ngưỡng 910, chỉ số có thể sẽ tiếp tục kiểm tra ngưỡng này trong những phiên đầu tuần sau. Hỗ trợ cho xu hướng ngắn hạn của VN-Index đang là ngưỡng 895 – 900.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Vietstock

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã	Đóng cửa	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa	P/E	P/BV
Đơn vị	(VNĐ)				(tỷ đồng)	(lần)	(lần)
AAA	12.25	2,395,577	6	KHẢ QUAN	85,317	9.8	1.6
ACB	22.2	6,186,495	-2	TRUNG TÍNH	253,622	11.5	3.7
ACV	63.3	252,805	0	TRUNG TÍNH	222,374	23.1	7.4
AMD	2.56	1,809,146	2	TRUNG TÍNH	97,553	8.7	1.2
ASM	8.17	4,415,369	-2	TRUNG TÍNH	56,800	5.6	1.2
BID	40.8	1,520,259	-2	TRUNG TÍNH	4,898	4.7	1.3
BMP	60.2	173,847	6	KHẢ QUAN	47,264	5.6	1.1
BSR	6.8	1,680,240	5	KHẢ QUAN	23,989	9.9	0.9
BVH	49.5	1,012,546	-4	TIÊU CỰC	64,534	26.9	2.3
CII	18	1,431,379	6	KHẢ QUAN	318,963	17.5	3.6
CMX	16.9	643,753	4	KHẢ QUAN	47,987	7.7	1.6
CTD	71.3	582,511	2	TRUNG TÍNH	45,494	12.0	3.2
CTG	26.2	5,119,252	7	KHẢ QUAN	6,776	8.6	1.1
CTI	14.6	773,627	-2	TRUNG TÍNH	39,822	11.9	2.7
CTR	44.2	337,425	-4	TIÊU CỰC	7,873	9.9	2.6
D2D	68.4	254,210	4	KHẢ QUAN	27,032	9.5	1.2
DBC	46.75	2,440,035	-4	TIÊU CỰC	64,255	16.8	2.8
DCM	10.25	2,495,315	-2	TRUNG TÍNH	9,885	9.6	1.0
DGW	53.2	514,267	0	TRUNG TÍNH	164,098	19.1	2.1
DHC	46.1	813,103	7	KHẢ QUAN	4,885	19.8	0.4
DIG	14.55	1,950,926	4	KHẢ QUAN	13,958	13.4	3.0
DPM	16.75	3,316,317	-2	TRUNG TÍNH	313,890	39.7	3.7
DRC	19.15	851,887	0	TRUNG TÍNH	139,910	14.1	2.7
DRH	7.19	1,615,538	2	TRUNG TÍNH	61,660	16.1	2.7
DXG	10.25	3,948,422	4	KHẢ QUAN	6,500	10.2	0.5
FLC	3.2	6,597,257	4	KHẢ QUAN	78,403	7.2	1.2
FPT	50.8	1,825,532	0	TRUNG TÍNH	23,770	10.9	0.8
FRT	24.4	777,475	-7	TIÊU CỰC	11,303	17.2	1.8
GAS	73.1	691,546	-5	TIÊU CỰC	55,317	30.3	3.7
GEX	24.05	8,346,530	0	TRUNG TÍNH	36,745	30.5	1.9
GTN	26.3	2,374,723	2	TRUNG TÍNH	62,891	59.5	3.1
GVR	12.05	1,661,121	-2	TRUNG TÍNH	6,162	12.6	1.4
HAG	4.57	7,321,783	-2	TRUNG TÍNH	6,555	9.9	0.8
HAI	2.65	2,261,624	4	KHẢ QUAN	6,671	12.3	0.7
HBC	10.95	5,327,036	0	TRUNG TÍNH	1,215	#N/A	0.2
HCM	20.2	3,488,987	2	TRUNG TÍNH	5,312	15.6	0.8
HDB	31.15	1,356,090	6	KHẢ QUAN	4,419	29.8	0.4
HDC	20.8	1,317,945	7	KHẢ QUAN	8,918	27.1	1.2
HDG	24.15	2,002,975	-6	TIÊU CỰC	7,313	9.2	1.5
HHS	4.8	2,526,985	6	KHẢ QUAN	2,528	10.1	0.7
HNG	12.1	2,396,548	-2	TRUNG TÍNH	1,927	26.1	1.5
HPG	25.75	13,740,755	-2	TRUNG TÍNH	1,638	5.5	1.2
HSG	15.25	13,197,368	-4	TIÊU CỰC	37,868	#N/A	3.3
HUT	2.6	2,661,240	-4	TIÊU CỰC	6,549	#N/A	2.6
HVN	26.7	727,949	-4	TIÊU CỰC	2,660	12.6	2.2
ITA	4.71	10,215,800	-7	TIÊU CỰC	5,440	8.4	0.7
KBC	14.2	2,431,340	7	KHẢ QUAN	6,688	13.2	2.7
KDC	37.25	888,622	0	TRUNG TÍNH	2,587	8.7	0.7
KDH	24.2	598,114	2	TRUNG TÍNH	10,585	8.4	3.2
KLF	1.7	1,391,285	0	TRUNG TÍNH	21,083	7.6	0.6
KOS	30.8	664,020	3	TRUNG TÍNH	30,088	7.4	1.4
KSB	30.65	1,366,475	5	KHẢ QUAN	10,746	7.6	0.9

LDG	6.88	3,741,844	-2	TRUNG TÍNH	48,200	15.9	1.0
LPB	11	7,492,180	-4	TIÊU CỰC	6,977	8.4	1.3
MBB	19.6	6,087,231	3	TRUNG TÍNH	7,942	7.9	1.5
MBG	5.8	1,671,785	7	KHẢ QUAN	137,804	18.3	3.8
MSN	54.7	1,265,172	-4	TIÊU CỰC	977	4.5	0.9
MWG	100.5	1,047,268	-2	TRUNG TÍNH	14,255	15.7	3.4
NHH	53.2	185,383	-4	TIÊU CỰC	4,299	11.5	0.8
NKG	8.39	2,480,687	7	KHẢ QUAN	1,443	21.1	0.5
NLG	25.5	983,119	-2	TRUNG TÍNH	1,650	4.2	0.5
NVB	8.6	2,935,810	6	KHẢ QUAN	3,701	6.3	0.8
NVL	63.5	1,389,354	0	TRUNG TÍNH	12,526	8.5	1.2
PC1	21.3	471,324	2	TRUNG TÍNH	3,499	77.7	0.8
PDR	38.5	1,248,764	-6	TIÊU CỰC	4,238	5.0	0.4
PHR	58.1	992,088	-4	TIÊU CỰC	4,683	6.9	1.2
PLX	51.6	1,415,245	3	TRUNG TÍNH	2,272	#N/A	0.3
PNJ	62	657,266	-2	TRUNG TÍNH	2,466	6.1	0.8
POW	10.15	4,363,364	-2	TRUNG TÍNH	1,458	3.3	1.6
PVD	11.6	5,915,956	3	TRUNG TÍNH	7,661	129.7	1.4
PVS	13.6	5,350,160	-6	TIÊU CỰC	119,920	29.6	6.5
PVT	13.15	2,288,354	7	KHẢ QUAN	24,499	7.6	1.8
REE	40.4	432,631	-2	TRUNG TÍNH	13,523	12.4	1.8
ROS	2.14	4,966,342	-7	TIÊU CỰC	1,379	6.9	1.0
SAB	187	106,222	4	KHẢ QUAN	3,112	17.2	3.5
SBT	15.2	3,342,645	4	KHẢ QUAN	5,426	14.5	0.8
SHB	15.4	3,903,040	0	TRUNG TÍNH	1,370	7.4	1.4
SHS	11.9	2,929,415	0	TRUNG TÍNH	3,725	3.2	1.3
SSI	16.45	6,320,623	-4	TIÊU CỰC	13,414	#N/A	1.5
STB	13.3	14,170,602	-5	TIÊU CỰC	434	8.4	0.5
SZC	26.6	1,338,828	-2	TRUNG TÍNH	2,275	9.2	1.3
TCB	22.4	2,908,339	-4	TIÊU CỰC	698	12.4	0.2
TCH	20.7	3,569,423	-4	TIÊU CỰC	800	6.3	0.7
TCM	22.25	1,163,804	2	TRUNG TÍNH	4,462	10.8	1.1
TNG	13.2	1,230,160	0	TRUNG TÍNH	2,288	11.2	2.2
TVB	8.2	509,679	2	TRUNG TÍNH	3,394	9.8	0.9
VCB	86	1,358,487	-2	TRUNG TÍNH	3,196	229.2	2.8
VCI	28.3	913,570	-7	TIÊU CỰC	1,832	#N/A	3.8
VCS	68.2	295,105	2	TRUNG TÍNH	2,115	3.5	0.5
VEA	43.9	148,640	2	TRUNG TÍNH	2,794	6.2	0.8
VHC	43.65	726,446	-2	TRUNG TÍNH	419	20.7	0.2
VHM	77.1	2,063,630	-2	TRUNG TÍNH	1,319	4.2	0.4
VIB	26.5	1,261,080	-7	TIÊU CỰC	58,334	8.0	2.2
VIC	92.8	614,354	2	TRUNG TÍNH	427	7.5	0.7
VJC	105.6	482,278	-2	TRUNG TÍNH	2,581	8.4	2.2
VND	13.4	1,121,481	6	KHẢ QUAN	250	5.7	0.5
VNM	127.7	1,419,387	2	TRUNG TÍNH	4,928	10.4	2.0
VPB	23.3	4,307,650	-7	TIÊU CỰC	484	85.4	0.2
VPI	41.8	656,595	-2	TRUNG TÍNH	281	#N/A	0.2
VRE	28.4	2,970,349	-2	TRUNG TÍNH	514	32.7	1.5

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Cập nhật doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một (TDM)

Khuyến nghị: Tăng tỷ trọng

Giá đóng cửa 24/09/2020	23,450	P/E (20F,x)	9.6
Giá mục tiêu (12T)	26,800	P/B (20F,x)	1.4
Vốn hóa (tỷ đồng)	2,345	Beta	0.7

- Nửa đầu năm 2020, doanh thu và lãi ròng đạt 179 tỷ và 78 tỷ đồng, lần lượt tăng 8,5% và 9,9% so với cùng kỳ nhờ: 1) sản lượng tiêu thụ tăng gần 4% trong năm 2020; 2) biên lợi nhuận giảm từ 57,6% xuống còn 52%.
- Doanh thu và lãi ròng năm 2020 ước đạt 375 tỷ và 233 tỷ đồng, lần lượt tăng 8,3% và 14,4% so với cùng kỳ: 1) sản lượng tiêu thụ nước ước đạt 61,9 triệu m3 nước, tăng 5,5% so với năm trước nhờ đóng góp mới từ nhà máy Dĩ An 3 và Bàu Bàng 2 để giảm bớt phụ tải chạy quá công suất từ nhà máy Dĩ An; 2) biên lợi nhuận gộp đạt 52,5% giảm nhẹ so với mức 52,9% cùng kỳ; 3) phần doanh thu tài chính lên đến 99 tỷ đồng, tăng 37% cùng kỳ, chủ yếu đóng góp từ khoản cổ tức thu được từ công ty liên kết BWE.
- EPS forward 2020 ước đạt 2.439 đ/cp, tương đương mức P/E forward 2020 ở mức 9,6 lần. Đây là mức P/E thấp hơn trung bình kể từ khi chào sàn. Chúng tôi đánh giá TÍCH CỰC dành cho TDM: 1) vị thế dẫn đầu mảng nước ở Bình Dương; 2) năm 2021 kỳ vọng doanh thu và lãi ròng sẽ tiếp tục cải thiện nhờ nhà máy Dĩ An 3 và Bàu Bàng 2 cùng sự tăng trưởng của công ty liên kết BWE.

	FY 2016	FY 2017	FY 2018	FY 2019	FY 2020(F)
Doanh thu (Tỷ VND)	151	197	286	346	375
Lợi nhuận hoạt động (Tỷ VND)	97	129	178	177	190
Biên LNHD (%)	64.4	65.3	62.2	51.1	50.7
LNST (VND bn)	58	76	190	204	233
EPS (VND)	1,124	1,625	2,368	1,971	2,439
ROE (%)	—	13.2	20.5	13.1	14.4
P/E (x)	15.2	11.1	8.5	13.0	9.6
P/B (x)	2.1	1.6	1.5	1.6	1.4

Link báo cáo đầy đủ: <https://masvn.com/pdfViewer.do?screen=research&ids=F6DDAE79-80D9-445E-BB4A-A0E84F9B332D>

Thông tin cập nhật

Đảng Dân chủ Hạ viện Mỹ chuẩn bị gói cứu trợ 2.200 tỉ USD

Ngày 24/9, một quan chức chủ chốt cho biết Đảng Dân chủ Hạ viện Mỹ đang soạn thảo gói cứu trợ COVID-19 mới trị giá 2.200 tỉ USD sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ Nancy Pelosi nói bà đã sẵn sàng đàm phán với Nhà Trắng.

Án phạt kỷ lục 1 tỷ USD dành cho JPMorgan Chase

JPMorgan Chase & Co sẽ phải trả gần 1 tỷ USD để giải quyết các cuộc điều tra từ chính quyền Mỹ về các hành động thao túng thị trường đối với hợp đồng tương lai kim loại và trái phiếu kho bạc.

Khoản tiền phạt lớn này sẽ giải quyết "bóng tối pháp lý" đã bao trùm ngân hàng trong vài năm và đánh dấu một chiến thắng đặc biệt cho nỗ lực của chính phủ nhằm ngăn chặn các kỹ thuật giao dịch bất hợp pháp, chẳng hạn như các kỹ thuật giao dịch giả mạo, đặc biệt là trong thị trường kim loại quý.

JPMorgan đã nói trong hồ sơ công khai rằng họ đang thảo luận với các nhà chức trách về việc giải quyết các cuộc điều tra.

Chứng khoán châu Á tăng, thị trường Australia dẫn đầu khu vực

Chỉ số MSCI châu Á – Thái Bình Dương không bao gồm Nhật Bản tăng 0,67%.

Thị trường Australia tăng mạnh nhất khu vực, chỉ số ASX 200 tăng 1,57% nhờ cổ phiếu nhóm "Big4 ngân hàng" nước này đi lên. Cụ thể, cổ phiếu Australia & New Zealand Banking Group, Commonwealth Bank of Australia, Westpac và National Australia Bank lần lượt tăng 5,63%, 3,93%, 7,15% và 6,86%.

Nhà chức trách Australia trước đó thông báo các thay đổi để đơn giản hóa quy trình tiếp cận tín dụng cho người tiêu dùng và doanh nghiệp nhỏ.

"Khuôn khổ quy định hiện tại của chúng tôi về khía cạnh cho vay chưa phù hợp với mục đích", Bộ trưởng Tài chính Australia Josh Frydenberg trả lời báo giới. "Khuôn khổ đó quá cứng nhắc, tốn kém, phức tạp và cho vay có trách nhiệm đã biến thành hạn chế cho vay".

Thị trường Trung Quốc đi lên với Shanghai Composite tăng nhẹ, Shenzhen Component tăng 0,285%. Hang Seng của Hong Kong tăng 0,55%.

Tại Nhật Bản, Nikkei 225 tăng 0,69% trong khi Topix tăng 0,59%.

Chỉ số KOSPI của Hàn Quốc tăng 0,58% sau khi bị bán mạnh trong phiên 24/9 vì căng thẳng trên bán đảo Triều Tiên tái bùng phát.

Các công ty rút khỏi Trung Quốc Đại lục, "cơn mưa" đầu tư chục tỉ USD rơi xuống Đài Loan

Những căng thẳng đang thúc đẩy các công ty Đài Loan chuyển một số hoạt động sản xuất về hòn đảo và chuyển hướng đổ tiền vào các nhà máy ngay tại khu vực. Đài Loan cũng hỗ trợ giảm thuế và đưa ra một số ưu đãi khác trong bối cảnh đại dịch Covid-19 mang lại những tác động tiêu cực cho kinh tế, xã hội.

Người đứng đầu cơ quan kinh tế Đài Loan Vương Mỹ Hoa (Wang Mei-hua) cho biết vào tuần trước, kể từ tháng 1/2019, hơn 38 tỷ USD tiền đầu tư đã được rót vào hòn đảo.

Nhiều doanh nghiệp Đài Loan đã trở về từ Đại lục. Các nhà sản xuất công nghệ như Tập đoàn Innolux, Accton Technology, và Quanta Computer cũng xây dựng nhà máy mới ở đây.

Chuỗi cung ứng cho các nhà sản xuất xe điện, gồm Tesla (đang có nhà máy tại Thượng Hải), cũng đang chuyển sang hoạt động tại Đài Loan.

Các công ty Mỹ chưa phản hồi lời kêu gọi về nước của Tổng thống Donald Trump. Tuy nhiên, sự mất lòng tin ngày càng tăng đối với Trung Quốc thúc đẩy các công ty Mỹ chuyển chuỗi cung ứng sang nơi khác. Bà Vương cho rằng động lực chính khiến các công ty Mỹ quay sang Đài Loan là lo ngại của người sử dụng xoay quanh vấn đề về sở hữu trí tuệ.

Ngành thép: Tín hiệu hồi phục đã rõ ràng hơn, nửa cuối năm dự hồi phục theo sóng đẩy nhanh tiến độ dự án lớn sau thời gian giãn cách

Tổng sản lượng tiêu thụ thép tại thị trường Việt Nam lũy kế 8 tháng đầu năm 2020 vẫn giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, theo quan sát và ghi nhận bởi Chứng khoán Rồng Việt (VDSC), số liệu theo tháng đã bắt đầu có sự cải thiện rõ ràng hơn.

Chi tiết, các nhóm sản phẩm của ngành thép đều đi xuống về mặt sản lượng tiêu thụ trong 8 tháng đầu năm, ngoại trừ tôn mạ. Thép cuộn cán nóng đối mặt với đợt giảm mạnh, trong khi doanh số của mảng thép xây dựng giảm gần 6% lần đầu tiên kể từ sau khủng hoảng tài chính năm 2008. Tiêu thụ thép ống tiếp tục đi ngang trong khi sản lượng tôn mạ tăng nhẹ so với cùng kỳ. Nhìn chung, nguyên nhân chính cho mức tăng trưởng âm là ảnh hưởng của dịch Covid-19.

Tuy nhiên, theo dõi câu chuyện tăng trưởng của một số nhóm ngành, VDSC cho rằng nhu cầu thép cho sản xuất công nghiệp vẫn tương đối mạnh mẽ, ngược lại nhu cầu thép cho xây dựng đang chịu ảnh hưởng nặng nề nhất. Số lượng dự án mới trong thị trường nhà ở và bất động sản thương mại vẫn còn thấp do triển vọng trung hạn kém khả quan, khi mà lệnh cấm bay quốc tế vẫn chưa được gỡ bỏ hoàn toàn, ảnh hưởng lên hoạt động du lịch và thương mại quốc tế.

Riêng tháng 8/2020 thị trường có tín hiệu khả quan, khi sản lượng tăng đáng kể so với năm ngoái. Ngoại trừ thép cuộn cán nguội, tất cả các mảng phụ khác ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng, là tín hiệu cho sự phục hồi của cả thị trường nội địa và quốc tế.

Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi nâng hạng thị trường mới nổi của FTSE Russell

Theo kết quả phân hạng thị trường vừa được FTSE Russell công bố, Việt Nam tiếp tục nằm trong danh sách theo dõi phân hạng thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging Markets).

Trước đó FTSE Russell đã đưa Việt Nam vào danh sách theo dõi này từ tháng 9/2018. Việc Việt Nam vẫn chưa chính thức được nâng hạng thị trường mới nổi loại 2 trong kỳ đánh giá này là điều đã được nhiều Công ty chứng khoán dự báo từ trước.

277 triệu USD hàng hoá đi EU sau 1,5 tháng EVFTA có hiệu lực

Theo đó, trong 1 tháng kể từ ngày EVFTA có hiệu lực, các tổ chức được ủy quyền đã cấp trên 7.200 bộ C/O mẫu EUR.1 với kim ngạch 277 triệu USD đi 28 nước EU.

Các mặt hàng đã được cấp C/O mẫu EUR.1 chủ yếu là giày dép, thủy sản, nhựa và các sản phẩm từ nhựa, cà phê, hàng dệt may, túi xách, va li, rau quả, sản phẩm mây, tre, đan,...

Thị trường nhập khẩu đa phần là các nước có cảng biển và trung tâm phân phối, trung chuyển của EU như Bỉ, Đức, Hà Lan, Pháp, Vương quốc Anh. Trong đó, nhiều lô hàng đã tới thị trường EU, thông quan và được hưởng ưu đãi từ Hiệp định này.

S&P dự báo tốc độ phục hồi kinh tế của Việt Nam sau đại dịch COVID-19

Cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế S&P Global Ratings vừa công bố báo cáo, trong đó dự báo Việt Nam đứng thứ 2 về tốc độ phục hồi kinh tế tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương sau cuộc khủng hoảng do đại dịch COVID-19 gây ra.

S&P đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của các nền kinh tế trong khu vực châu Á-Thái Bình Dương năm 2020 trong bối cảnh thương mại và chi tiêu tiêu dùng tăng.

Theo báo cáo của S&P, tăng trưởng GDP của Việt Nam trong năm 2020 sẽ đạt mức 1,9% và 11,2% vào năm 2021.

Dự án khí Lô B chậm thêm 1 năm

Đại diện cho hai đối tác nước ngoài là Mitsui Oil Exploration Co., Ltd (MOECO) đến từ Nhật Bản và PTT Exploration và Production Public Company Limited (PTTEP) đến từ Thái Lan vừa thông báo tới phía Việt Nam rằng, thời điểm có dòng khí đầu tiên sớm nhất của Dự án khí Lô B là tháng 9/2024, thay vì cuối năm 2023 như dự tính trước đó.

Trước đó, vào tháng 7/2020, Báo Đầu tư đã phản ánh việc các đối tác nước ngoài bày tỏ lo ngại với các cơ quan hữu trách rằng, việc chậm phê duyệt dự án điện trên bờ có thể khiến Chuỗi dự án khí Lô B gặp trở ngại lớn và tiếp tục làm chậm quyết định đầu tư cuối cùng. Kéo theo đó là mục tiêu dòng khí đầu tiên vào cuối năm 2023 bị trượt tiến độ.

An Phát Holdings liên tục cải tiến, hợp tác với Samsung phát triển công nghiệp hỗ trợ

Năm 2019, Công ty CP Nhựa Hà Nội và An Trung Industries - thành viên của An Phát Holdings đã hoàn thành các chương trình cải tiến, trong đó An Trung Industries trở thành nhà cung ứng của Samsung từ đầu năm 2019 – chuyên cung cấp các linh kiện nhựa điện thoại.

Đến cuối tháng 9/2020, Công ty TNHH MTV Cơ Khí Chính xác và Khuôn mẫu Việt Nam (VMC) cũng vừa kết thúc 02 tháng triển khai cải tiến, được Bộ Công thương và Samsung đánh giá kết quả hoàn thành xuất sắc. Đây là công ty khuôn mẫu được An Phát Holdings đầu tư hệ thống nhà xưởng, máy móc hiện đại, là nền tảng cốt lõi giúp Tập đoàn phát triển lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

Vinh Hoàn (VHC) chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 20%

CTCP Vinh Hoàn (mã chứng khoán VHC) thông báo, ngày 9/10 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông thực hiện chi tạm ứng cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 20% cho cổ đông. Tương ứng cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu được nhận về 2.000 đồng. Thời gian thanh toán vào 16/10/2020.

Như vậy Vinh Hoàn sẽ chi trên 360 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông. Nguồn vốn chi trả lấy từ lợi nhuận chưa phân phối đến 31/12/2019.

Kido (KDC) ước LNST 9 tháng tăng 57% lên 261 tỷ đồng, bán trung thu Kingdom đóng góp 36 tỷ

Tập đoàn Kido (KDC) vừa công bố ước kết quả kinh doanh quý 3/2020 với doanh thu 2.293 tỷ đồng - tăng gần 24% so với cùng kỳ; tương ứng LNST thu về 128 tỷ - tăng hơn 141%.

Lũy kế 9 tháng, doanh thu thuần ước đạt 5.960 tỷ đồng, tăng 17% so với 9 tháng đầu năm ngoái, chủ yếu là do doanh thu ngành dầu tăng. Lợi nhuận trước thuế lũy kế thu về 338 tỷ đồng, tăng 49% và chính thức vượt kế hoạch đề ra của cả năm. Lợi nhuận sau thuế đạt 261 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ 2019.

Hơn 62.000 tỉ đồng dư nợ của Techcombank bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19

Trong buổi làm việc với Phó Thống đốc thường trực Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) Đào Minh Tú vào ngày 23/9, lãnh đạo Techcombank cho biết, tính đến thời điểm 31/8/2020, tổng số dư nợ bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 của ngân hàng ở mức 62.228 tỉ đồng.

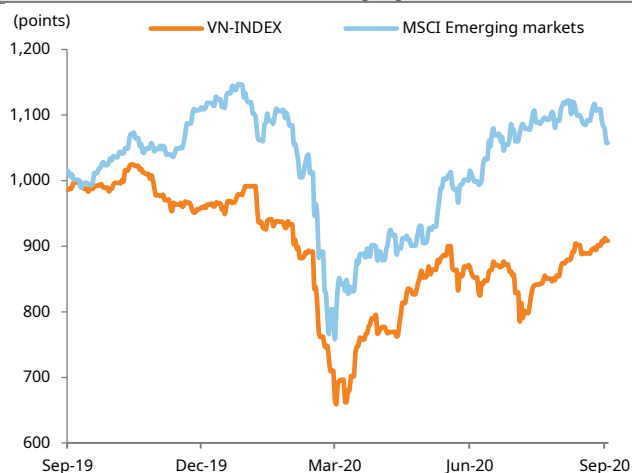
Về tình hình triển khai Thông tư số 01, Techcombank đã ban hành ngay các qui định nội bộ hướng dẫn công tác hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh COVID-19. Ngân hàng cũng đã triển khai gói hỗ trợ cho khách hàng 30.000 tỉ đồng (20.000 tỉ cho doanh nghiệp và 10.000 tỉ cho cá nhân).

PV Drilling ước lãi ròng 9 tháng đạt 100 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ

Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí (PV Drilling, HoSE: PVD) ước tính doanh thu trong 9 tháng đầu năm nay đạt 4.300 tỷ đồng, tăng 45% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ ước 100 tỷ đồng, so với gần 49 tỷ đồng cùng kỳ năm 2019.

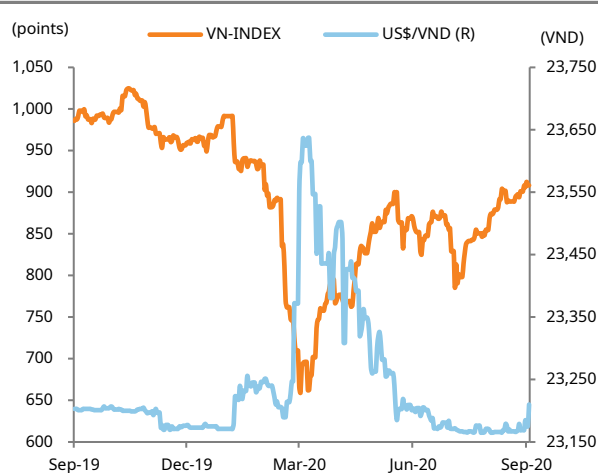
Theo báo cáo bán niên, doanh thu công ty đạt 3.145 tỷ và lãi ròng hơn 86 tỷ đồng. Như vậy, ước tính quý III, doanh thu tăng hơn 85 lên 1.155 tỷ đồng và lãi ròng tăng hơn 8% đạt 14 tỷ đồng.

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



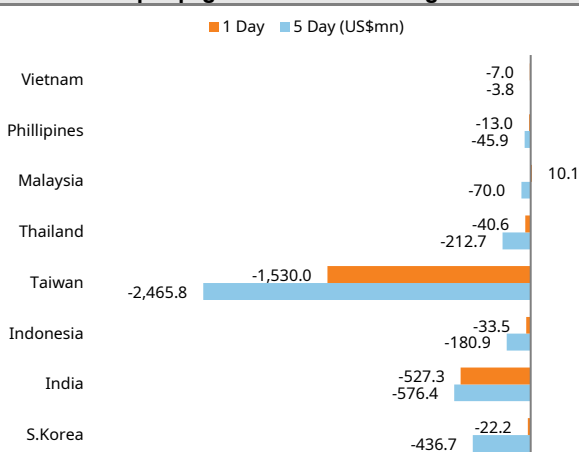
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



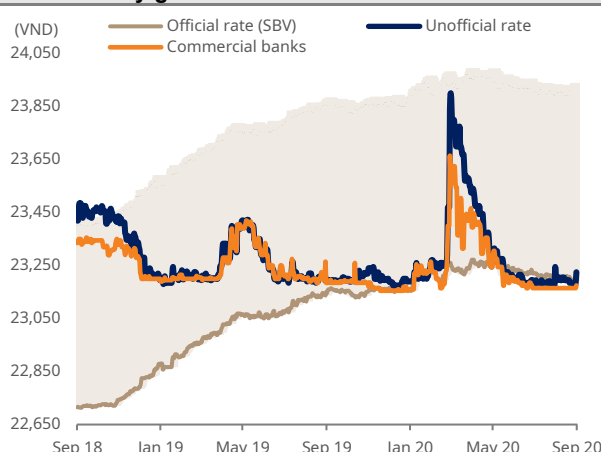
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



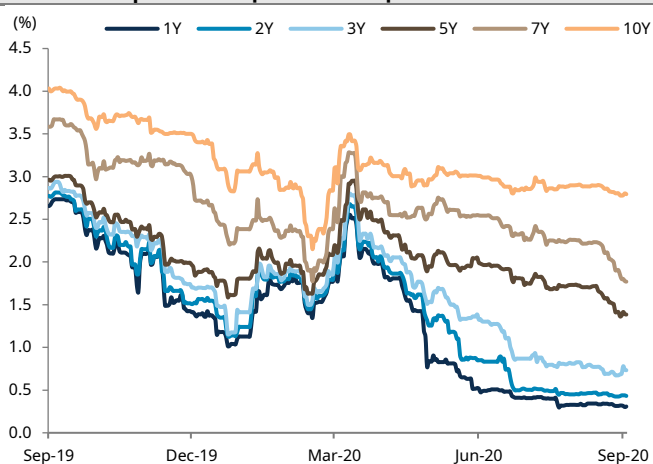
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Tỷ giá USD/VND



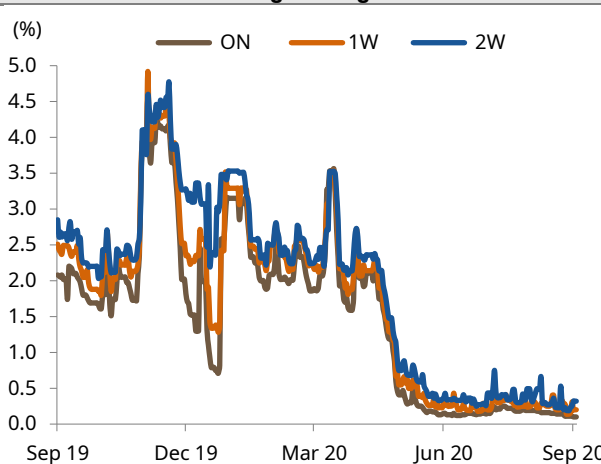
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN30 Index	VN30 Index	854.71	2,458,830		0.2	1.6	4.8	-6.3	13.2	10.7	1.8	1.6	-10.1		15.7	16.0
NHTMCP Đầu tư & Phát triển	BID VN	40,800	164,098	17.5	-0.2	-0.5	3.3	2.3	34.9	20.2	2.2	2.0	-45.9		9.1	12.3
NHTMCP Công thương Việt Nam	CTG VN	26,200	97,553	30.0	0.8	1.6	6.1	26.0	14.1	11.5	1.2	1.1	-9.2		10.2	11.4
NHTMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	EIB VN	17,100	21,023	29.9	-0.3	0.6	0.9	2.4	36.8	35.3	1.3	1.2	-33.9		3.6	3.6
CTCP FPT	FPT VN	50,800	39,822	49.0	0.6	-0.8	4.0	1.8	11.4	9.8	2.4	2.1	21.2		23.8	24.8
TCT Khí Việt Nam	GAS VN	73,100	139,910	3.2	-0.5	0.8	-0.9	-28.6	18.7	14.6	2.8	2.7	-36.4		15.5	19.2
NHTMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh	HDB VN	31,150	30,088	20.5	0.3	4.7	10.5	17.8	7.5	6.6	1.3	1.1	13.5		20.2	20.1
Tập đoàn Hoà Phát	HPG VN	25,750	85,317	34.3	0.4	0.2	4.9	41.1	9.0	7.6	1.5	1.3	25.8		17.9	18.8
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền	KDH VN	24,200	13,523	41.7	-0.8	-0.4	-1.6	-2.3	12.4	10.3	1.6	1.4	21.0		14.1	15.8
NHTMCP Quân đội	MBB VN	19,600	47,264	22.9	0.0	4.5	8.6	-11.5	6.5	5.5	1.0	0.9	-15.8		18.0	17.6
Tập đoàn Masan	MSN VN	54,700	64,255	38.1	-0.5	0.9	2.1	-30.8	73.0	28.5	1.6	1.7	-84.3		2.2	6.2
CTCP Thế giới di động	MWG VN	100,500	45,494	49.0	-0.7	6.3	14.7	-19.9	12.5	9.7	3.0	2.4	-7.3		27.0	28.0
Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	NVL VN	63,500	61,660	5.7	0.0	-0.6	1.0	2.4	16.9	17.6	2.4	NA	5.2		14.3	11.9
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	PLX VN	51,600	62,891	16.1	-0.2	2.4	2.4	-14.3	50.1	18.4	2.6	2.2	-67.5		5.8	15.1
CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận	PNJ VN	62,000	13,958	49.0	-0.5	2.6	3.9	-24.5	15.8	13.4	2.8	2.5	-21.4		21.0	22.7
TCT Điện lực Dầu khí Việt Nam	POW VN	10,150	23,770	10.7	-1.0	1.5	1.5	-17.8	9.9	8.4	0.8	0.7	-0.2		8.5	9.3
CTCP Cơ điện lạnh	REE VN	40,400	12,526	49.0	0.0	0.2	9.6	2.3	8.2	7.3	1.1	1.0	-7.2		13.4	14.0
CTCP Xây dựng FLC Faros	ROS VN	2,140	1,215	2.0	0.9	-0.9	-4.9	-92.0	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
CTCP Bía Rượu Nước giải khát SG	SAB VN	187,000	119,920	63.2	0.0	-1.0	0.3	-28.9	28.9	24.7	5.9	5.2	-13.3		21.6	23.8
CTCP Mía đường TTC Tây Ninh	SBT VN	15,200	8,918	5.5	5.2	6.7	3.1	-15.3	12.8	NA	NA	NA	120.3		8.3	NA
CTCP Chứng Khoán Sài Gòn	SSI VN	16,450	9,885	49.5	-0.6	0.9	9.7	-11.9	11.4	9.2	1.0	0.9	0.9		9.0	10.6
NHTMCP Sài Gòn Thương Tín	STB VN	13,300	23,989	9.1	6.8	14.2	18.2	25.5	14.8	9.4	0.9	0.8	-19.5		6.8	9.0
NHTMCP Kỹ Thương Việt Nam	TCB VN	22,400	78,403	22.5	-0.2	2.8	5.2	-1.1	7.7	6.5	1.1	0.9	1.3		15.6	15.5
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	TCH VN	20,700	7,313	4.4	0.2	-0.2	-1.4	-13.4	NA	NA	NA	NA	NA		NA	NA
NHTMCP Ngoại Thương VN	VCB VN	86,000	318,963	23.5	-0.1	3.7	2.5	6.6	19.0	16.0	3.2	2.7	0.8		19.7	19.1
Công ty Cổ phần Vinhomes	VHM VN	77,100	253,622	22.1	0.0	0.3	-3.1	-13.9	9.4	8.2	3.0	2.2	26.1		38.5	30.8
Tập đoàn Vingroup	VIC VN	92,800	313,890	13.8	-0.2	-1.3	2.0	-22.5	50.6	37.2	3.6	3.3	-24.7		6.6	8.7
CTCP Hàng Không Vietjet	VJC VN	105,600	55,317	17.7	-0.2	-0.4	6.1	-22.4	-1117.5	16.0	3.4	3.2	-101.3		8.9	21.4
CTCP Sữa Việt Nam	VNM VN	127,700	222,374	58.5	0.3	1.0	8.9	1.0	21.4	19.9	7.4	6.6	8.9		37.8	38.2
NHTMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VPB VN	23,300	56,800	23.4	-0.6	0.2	1.3	8.9	6.9	6.1	1.1	0.9	-0.5		17.7	16.6
CTCP Vincom Retail	VRE VN	28,400	64,534	30.9	-0.7	-0.4	5.4	-15.2	25.4	18.8	2.3	2.1	-8.9		9.1	11.7

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimates

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Điểm tác động (VN-Index 1D)	Vốn hóa (tỷ đồng)	Biến động giá (%)				P/E(X)*		P/B(X)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE(%)*	
			1D	1W	1M	1Y	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21	FY20	FY21
VN-Index	7.32	3,285,486	0.0	0.8	3.9	-8.0	16.3	12.6	2.1	1.85	-8.5		14.7	15.6
Ô tô và phụ tùng	0.01	6,272	0.5	1.0	8.8	-2.8	6.3	4.5	0.8	0.8	NA		8.0	10.3
Ngân hàng	5.81	857,371	0.1	2.6	4.3	7.2	18.6	13.9	2.1	1.8	28.8		15.3	15.7
Xây dựng cơ bản	-0.15	107,735	-0.3	-0.5	5.2	6.5	7.4	5.2	0.4	0.4	-14.4		6.3	6.7
Dịch vụ thương mại	0.00	3,972	0.1	-0.1	2.0	-25.5	11.5	5.8	NA	NA	-1.7		6.7	12.6
May mặc và trang sức	0.14	23,478	-0.2	2.0	6.4	-13.6	10.7	8.8	1.8	1.6	9.9		14.1	15.3
Dịch vụ tiêu dùng	0.00	7,512	0.1	0.2	4.0	-12.7	249.8	5.2	1.5	1.2	-27.0		0.0	7.5
Dịch vụ tài chính	-0.02	34,845	-0.4	-0.1	12.1	6.6	8.0	5.8	0.7	0.7	NA		6.6	8.7
Năng lượng	0.52	74,320	0.0	2.6	4.0	-15.3	46.4	17.8	2.3	1.9	7.8		5.4	13.4
Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	1.40	503,743	0.4	1.1	6.2	-7.2	56.0	46.6	6.9	6.3	-5.7		22.8	23.8
Dịch vụ và thiết bị y tế	0.00	896	-2.3	-0.9	11.7	35.1	NA	NA	NA	NA	-48.3		NA	NA
Hàng cá nhân và gia dụng	0.08	8,214	4.0	3.7	8.2	8.8	6.2	6.1	1.3	1.1	-42.3		16.3	14.3
Bảo hiểm	0.21	43,366	0.6	1.8	5.0	-25.9	25.5	21.6	1.7	1.6	5.1		5.8	7.0
Nguyên vật liệu	0.13	165,084	0.3	0.3	6.0	50.1	10.5	6.0	1.1	0.9	92.7		13.8	13.9
Giải trí và truyền thông	-0.01	1,425	-1.2	-1.8	-3.0	-19.6	20.3	14.8	1.3	1.2	NA		6.7	8.5
Dược phẩm	-0.06	32,165	-0.8	-0.6	0.4	11.6	7.3	6.2	NA	NA	23.9		3.1	3.6
Bất động sản	-1.07	794,145	-0.3	-0.5	1.5	-12.8	14.2	9.8	2.2	1.6	53.0		13.5	9.4
Bán lẻ	0.73	52,300	-0.7	5.4	12.8	-15.7	26.7	20.5	2.8	2.2	22.8		17.4	15.9
Phần mềm và dịch vụ	0.01	3,929	-1.3	1.1	10.6	-1.7	11.6	8.9	2.7	2.2	-1.7		24.1	25.1
Thiết bị và phần cứng	-0.09	42,110	0.6	-0.7	4.2	7.8	NA	NA	NA	NA	20.3		NA	NA
Dịch vụ viễn thông	0.00	414	3.7	-1.8	5.7	-5.1	11.4	9.8	2.4	2.1	-90.7		23.6	24.5
Vận tải	0.18	140,384	0.3	0.6	6.7	-11.6	NA	NA	NA	NA	-5.5		NA	NA
Tiện ích	0.56	214,986	-0.4	1.0	0.7	-21.3	2.0	14.7	2.5	2.3	6.4		-7.4	14.9

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research

*Note: Valuation metrics based on Bloomberg consensus estimate

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VCB VN	86,000	3.74	1,509,902	3.23
STB VN	13,300	14.16	29,080,668	0.84
BHN VN	72,100	20.97	12,594	0.81
MWG VN	100,500	6.35	1,395,722	0.76
VNM VN	127,700	1.03	1,483,894	0.64
TCB VN	22,400	2.75	3,994,424	0.59
MBB VN	19,600	4.53	9,282,580	0.58
LGC VN	56,600	16.70	928	0.44
CTG VN	26,200	1.55	4,788,716	0.42
PLX VN	51,600	2.38	335,976	0.41

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	92,800	-1.28	398,014	-1.14
GVR VN	12,050	-5.49	1,329,198	-0.79
SAB VN	187,000	-0.95	99,902	-0.32
BCM VN	40,800	-2.16	78,498	-0.26
BID VN	40,800	-0.49	1,426,334	-0.23
NVL VN	63,500	-0.63	1,326,932	-0.11
TTA VN	19,200	-11.11	3,248,512	-0.09
FPT VN	50,800	-0.78	1,578,486	-0.09
VRE VN	28,400	-0.35	2,401,210	-0.06
HRC VN	45,900	-13.40	153	-0.06

Disclaimers

This report is published by Mirae Asset Securities (Vietnam) LLC (MAS), a broker-dealer registered in the Socialist Republic of Vietnam and a member of the Vietnam Stock Exchanges. Information and opinions contained herein have been compiled in good faith and from sources believed to be reliable, but such information has not been independently verified and MAS makes no guarantee, representation or warranty, express or implied, as to the fairness, accuracy, completeness or correctness of the information and opinions contained herein or of any translation into English from the Vietnamese language. In case of an English translation of a report prepared in the Vietnamese language, the original Vietnamese language report may have been made available to investors in advance of this report.

The intended recipients of this report are sophisticated institutional investors who have substantial knowledge of the local business environment, its common practices, laws and accounting principles and no person whose receipt or use of this report would violate any laws and regulations or subject MAS and its affiliates to registration or licensing requirements in any jurisdiction shall receive or make any use hereof.

This report is for general information purposes only and it is not and shall not be construed as an offer or a solicitation of an offer to effect transactions in any securities or other financial instruments. The report does not constitute investment advice to any person and such person shall not be treated as a client of MAS by virtue of receiving this report. This report does not take into account the particular investment objectives, financial situations, or needs of individual clients. The report is not to be relied upon in substitution for the exercise of independent judgment. Information and opinions contained herein are as of the date hereof and are subject to change without notice. The price and value of the investments referred to in this report and the income from them may depreciate or appreciate, and investors may incur losses on investments. Past performance is not a guide to future performance. Future returns are not guaranteed, and a loss of original capital may occur. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents do not accept any liability for any loss arising out of the use hereof.

MAS may have issued other reports that are inconsistent with, and reach different conclusions from, the opinions presented in this report. The reports may reflect different assumptions, views and analytical methods of the analysts who prepared them. MAS may make investment decisions that are inconsistent with the opinions and views expressed in this research report. MAS, its affiliates and their directors, officers, employees and agents may have long or short positions in any of the subject securities at any time and may make a purchase or sale, or offer to make a purchase or sale, of any such securities or other financial instruments from time to time in the open market or otherwise, in each case either as principals or agents. MAS and its affiliates may have had, or may be expecting to enter into, business relationships with the subject companies to provide investment banking, market-making or other financial services as are permitted under applicable laws and regulations.

No part of this document may be copied or reproduced in any manner or form or redistributed or published, in whole or in part, without the prior written consent of MAS.